

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 69/2025/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2026 và thay thế Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Khu vực VII; Chủ tịch UBND các xã, phường, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Cao Bằng; các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi và các tổ chức và cá nhân khác có liên quan thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hải Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 69 /2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi

1. Quản lý thống nhất theo hệ thống công trình thủy lợi, từ công trình đầu mối đến công trình thủy lợi nội đồng; phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của hệ thống, đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng nước phục vụ sản xuất, dân sinh và các ngành kinh tế.

2. Công trình thủy lợi lớn, quan trọng đặc biệt được giao cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quản lý, khai thác và thực hiện theo phương thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi phải có năng lực, phù hợp với quy mô, yêu cầu kỹ thuật của công trình, hệ thống công trình được giao theo quy định tại Chương III Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 và Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi.

Điều 4. Quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi: Đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) theo phân cấp trực tiếp quản lý, cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì việc giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do cấp tỉnh quản lý;

b) UBND cấp xã quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được phân cấp theo quy định.

2. Giao khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Công trình thủy lợi lớn, quan trọng đặc biệt được giao cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quản lý, khai thác và thực hiện theo phương thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ.

b) Công trình thủy lợi không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này được thực hiện theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng.

3. Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải được sử dụng đúng mục đích và đảm bảo yêu cầu về tưới, tiêu thoát nước.

b) Khi sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi vào cung cấp sản phẩm, dịch vụ có mục đích kinh doanh không được làm ảnh hưởng đến hoạt động tưới, tiêu thoát nước và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Điều 5. Quản lý công trình thủy lợi

1. UBND tỉnh quản lý các công trình thủy lợi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đập có chiều cao từ 10m trở lên hoặc hồ chứa nước có dung tích từ 200.000 m³ nước trở lên;

b) Hệ thống công trình thủy lợi, các trạm bơm điện có nhiệm vụ tưới, tiêu cho diện tích đất canh tác từ 30 ha trở lên. Đơn vị được giao khai thác công trình thủy lợi thực hiện quản lý, khai thác từ công trình đầu mối đến mặt ruộng và đảm bảo các nguyên tắc trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

c) Công trình kè thủy lợi bảo vệ cho khu vực có diện tích trên 500 ha.

2. UBND cấp xã quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn xã trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Nội dung của công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi

Thực hiện theo Điều 20 Luật số 08/2017/QH14.

Điều 7. Tài chính và sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước.

Thực hiện theo Điều 37, Điều 38 Luật số 08/2017/QH14 và Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước.

Điều 8. Bảo vệ và đảm bảo an toàn công trình thủy lợi

Thực hiện theo chương VI Luật số 08/2017/QH14.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai, theo dõi kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

2. Phối hợp với UBND cấp xã chỉ đạo, hướng dẫn củng cố, kiện toàn tổ chức thủy lợi cơ sở.

3. Tổ chức hướng dẫn tập huấn cho các tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh.

4. Hàng năm, xây dựng kế hoạch để kiểm tra công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh.

5. Tham mưu Quyết định phân giao danh mục các công trình thủy lợi do cấp tỉnh quản lý cho các doanh nghiệp có nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo khoản 1 Điều 5 Chương II Quy định này.

6. Quản lý việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo mục tiêu, nhiệm vụ thiết kế và tiềm năng, lợi thế của công trình.

7. Lựa chọn, ký kết, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đối với các công trình thủy lợi cấp tỉnh quản lý với tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi. Giám sát việc cung cấp và sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

8. Chủ trì thực hiện điều tra, đánh giá hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo định kỳ 05 năm hoặc đột xuất. Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình chủ sở hữu quyết định đầu tư nâng cấp, xây dựng mới, hiện đại hóa và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá định kỳ 05 năm hoặc đột xuất.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Ủy ban nhân dân cấp xã.

1. Quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn theo khoản 2 Điều 5 Chương II Quy định này và căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, có trách nhiệm quyết định phân giao danh mục các công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý cho các tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo quy định.

2. Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi được phân cấp quản lý.
3. Xây dựng kế hoạch và thực hiện dỡ bỏ hoặc di dời công trình các công trình thủy lợi được phân cấp quản lý.
4. Quý I hàng năm, có trách nhiệm rà soát, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường danh mục các công trình thủy lợi hoàn thành được đưa vào khai thác theo Điều 6 Quy định này.
5. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện thành lập, củng cố, kiện toàn phát triển tổ chức thủy lợi cơ sở trên địa bàn xã để quản lý khai thác công trình thủy lợi, sử dụng tốt, đạt hiệu quả.
6. Chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật vận hành, áp dụng các biện pháp tưới, tiêu khoa học, công việc duy tu, bảo dưỡng công trình cho các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi.
7. Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác các công trình thủy lợi thực hiện tốt các nội dung quy định tại Điều 6 Quy định này.
8. Ký kết, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng cung cấp, sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi, xác định diện tích đất được hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với các công trình thủy lợi thuộc trường hợp cấp tỉnh quản lý trên địa bàn.
9. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy lợi theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 57 Luật số 08/2017/QH14.

Điều 11. Các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi

1. Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện quản lý, khai thác các công trình thủy lợi đảm bảo hiệu quả theo đúng nội dung nêu tại Điều 6 Chương II Quy định này.
2. Định kỳ báo cáo hoặc báo cáo đột xuất khi có sự thay đổi về hiện trạng công trình và tình hình quản lý, khai thác công trình thủy lợi về UBND cấp xã hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo phân cấp quản lý.